TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS- ST
Ngày 05/8/2022
V/v: Công nhận HĐCNQSDĐ rừng có hiệu lực pháp luật.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chỉnh, bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy.

Ngày 05/8/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc *"Công nhận HĐCNQSDĐ rừng có hiệu lực pháp luật"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXX- ST ngày 05 tháng 6 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST – DSTC ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Hải C, sinh năm 1981 (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tranh, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn N – Luật sư văn phòng Luật sư Nguyễn Nam thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tranh, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1999 (có đơn xin vắng mặt)

Cháu Nguyễn Việt D, sinh năm 2007 (có đơn xin vắng mặt)

Bà Lương Thị C, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tranh, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phùng Hải C trình bày:

Năm 2000 anh kết hôn với chị Nguyễn Thị C và sinh được 1 con gái. Đến năm 2017 thì vợ chồng anh ra Tòa án huyện Lục Nam để giải quyết ly hôn. Năm 2018 anh chị lại đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản C. Nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 19/9/2019 thì anh lại không đề nghị Tòa án chia tài sản C là mảnh đất khoảng 4000m2 tại thôn Tranh, xã Vô Tanh vì điều kiện khó khăn anh không có tiền nộp tạm ứng án phí.

Nguồn gốc mảnh đất khoảng 4000m2 là do anh và chị C (vợ cũ) của anh mua của vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và vợ là Nguyễn Thị P từ năm 2005 với giá là 10.000.000đ, có giấy tờ viết tay nhưng vợ chồng anh và vợ chồng anh Q chưa làm thủ tục chuyển nhượng vì lúc đó mảnh đất là đất khai Hg chưa có giấy chứng nhận QSD đất và vì anh Q là anh ruột của chị C nên anh em tin tưởng nhau. Sau khi bỏ tiền mua đất thì anh và chị C đã cải tạo đất và chăm sóc vải thiều vì lúc mua đất đã có khoảng 75 cây vải thiều. Đến năm 2016 thì anh chặt 30 cây vải để trồng bạch đàn. Khi anh chặt cây để trồng bạch đàn thì chị C, chị P không có ý kiến gì. Đến năm 2021 anh chặt hết vải để trồng bạch đàn nhưng cũng không ai có ý kiến gì. Nhưng bà Trần Thị H là mẹ đẻ của chị C làm đơn kiện anh vì bà cho rằng mảnh đất đó là đất của bà. Anh đã được UBND xã Vô Tranh và Công an huyện Lục Nam mời lên làm việc lấy lời khai viết bản tường trình và không xử phạt và không truy tố.

Nay anh đề nghị Tòa án yêu cầu chị Nguyễn Thị P là vợ anh Nguyễn Văn Q (anh Q đã chết) ký hợp đồng CNQSDĐ năm 2005 để anh làm thủ tục cấp GCNQSD đất rừng. Sau khi làm được GCNQSD đất thì anh trả luôn cho chị C 2000m2 vì đây là tài sản C giữa anh và chị C.

Anh C vẫn giữ nguyên lời khai ban đầu là đất đang tranh chấp là của vợ chồng anh. Anh không yêu cầu giám định chữ ký của anh Q và ông C vì đó là sự thật còn về diện tích đất có chênh lệch với thực tế đo ngày 14/6/2022 là do đã cho đi và trừ diện tích hành lang đường. Nay anh chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng CNQSD đất rừng là 2324,6 m2 giữa anh và anh Nguyễn Văn Q và vợ là Nguyễn Thị P. Anh không đề nghị giám định chữ ký của anh Q và ông C trong giấy mua bán đất ngày 27/9/2005.

Tại phiên tòa anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Mảnh đất mà anh C khởi kiện là đất của bố mẹ chồng chị ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H. Ông C bà H chưa làm thủ tục chuyển nhượng hoặc tặng cho vợ chồng chị.

Anh C khai năm 2005 khi anh C mua đất của vợ chồng chị, chị đang đi làm ăn tại Trung Quốc không có mặt ở nhà. Việc mua bán anh C khai là có người làm chứng là bố chồng chị ông Nguyễn Văn C ông C ký vào người làm chứng nhưng đó không phải chữ ký của bố chồng chị và chữ ký người bán cũng không phải chữ ký của anh Nguyễn Văn Q chồng chị, nay anh Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Văn C đã chết. Việc mua bán là do anh C bịa đặt ra chứ không phải sự thật. Nay anh C khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng CNQSD đất rừng

có hiệu lực pháp luật, ý kiến của chị là không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị không đề nghị Tòa án giám định chữ ký vì chồng chị là anh Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Văn C là bố chồng chị đã chết. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/01/2022 chị đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng CNQSD đất rừng vô hiệu nay chị thay đổi ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật bác đơn khởi kiện của anh Phùng Hải C. Tại phiên tòa chị P vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C trình bày.

Chị là vợ của anh Phùng Hải C nhưng năm 2018 chị và anh C đã ly hôn đến năm 2019 chị và anh C đã chia tài sản C chị đã trả anh C số tiền 500.000.000đ và trả số nợ C như hai bên đã thỏa thuận là 650.000.000đ giữa chị và anh C không còn liên quan gì đến nhau và cũng không còn tài sản C nào. Việc anh C khai là mua mảnh đất của anh trai chị là anh Nguyễn Văn Q ngày 27/9/2005 có chữ ký của anh Q và chữ ký người làm chứng là ông Nguyễn Văn C là bố đẻ chị là do anh C làm giả giấy tờ. Trên thực tế chị và anh C không có tiền mua đất và cũng không còn gì liên quan. Nay anh Phùng Hải C đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng CNQSDĐ ngày 27/9/2005 giữa anh C và anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị P có hiệu lực pháp luật chị không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Bà là mẹ của anh Nguyễn Văn Q (anh Q đã chết) là mẹ chồng của Nguyễn Thị P, anh C kiện con dâu bà bán vườn cho anh C, bà khẳng định không có việc mua bán đất vì mảnh đất mà anh C khởi kiện là mảnh đất của bà nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D là con gái của anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị là con gái của ông Q Q và bà P. Chị khẳng định việc anh C khai là có mua đất của bố mẹ chị là vu khống bởi vì mảnh vườn đó là của bà nội chị bà Trần Thị H không phải của bố mẹ chị thì làm sao bố mẹ chị có quyền bán. Tại phiên tòa hôm nay chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Dlà con trai của anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị P trình bày:

Anh là con của ông Q Q và bà P. Anh khẳng định việc anh C khai là có mua đất của bố mẹ anh là vu khống bởi vì mảnh vườn đó là của bà nội anh bà Trần Thị H không phải của bố mẹ anh thì làm sao bố mẹ anh có quyền bán. Tại phiên tòa hôm nay anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị C trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn P là anh trai ruột ông Nguyễn Văn C, chồng bà đã chết năm 2017. Diện tích đất anh C khởi kiên tại Tòa án nhân dân huyện Lục Nam với chị Nguyễn Thị P là diện tích đất nằm trong GCNQSD đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn P. Năm 1992 Nhà nước có kế hoạch giao đất giao rừng cho các hộ dân. Vợ chồng bà có nhận khu rừng xung quanh nhà với diện tích 1,1ha. Đến năm 1993 gia đình bà được nhận GCNQSDĐ rừng. Diện tích trong GCNQSDĐ

không C với ai, lúc đó bà phải nộp thuế rừng, số tiền bà phải nộp là bao nhiêu bà không nhớ. Hiện tại GCNQSDĐ bà vẫn giữ, năm 1998 nhà nước có dự án PAM 5322 phát triển lâm nghiệp hộ gia đình. Gia đình bà được nhận dự án mô hình dự án 1,1 ha đất rừng. Lúc đó kinh tế khó khăn vợ chồng bà có cho cháu Q P trồng cây cối rồi trồng vải trên phần đất đó. Từ khi được giao đất đến nay gia đình bà sử dụng không có tranh chấp gì và gia đình bà chưa làm thủ tục sang tên chuyển nhượng hoặc tặng cho ai. Vì lý do sức khỏe bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bà Lương Thị C vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức C, chị Nguyễn Thị Thu H là con trai và con gái của ông Nguyễn Văn P và bà Lương Thị C trình bày:

Anh chị nhất trí với lời khai của bà Lương Thị C là mẹ đẻ của anh C chị H anh chị không bổ sung gì thêm. Vì lý do công việc bận anh chị xin được vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa hôm nay anh C chị H vắng mặt.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản ngày 14/6/2022:

Diện tích đất đang tranh chấp có phía đông giáp đường bê tông, phía nam giáp nhà ông Tung, phía tây giáp nhà ông Nhan, phía bắc giáp nhà bà C, ông Bội, ông Sỹ có diện tích 2324,6m 2. Trên đất không có tài sản gì.

Về giá đất tranh chấp 15000đồng/1m^2 x 2324,6m^2 = 34.869.000đồng.

Ông Nguyễn N - Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị P trình bày: Việc mua bán đất giữa anh Phùng Hải C và anh Nguyễn Văn Q chị P là vợ anh Q không biết, mảnh đất anh C đang khởi kiện là đất của ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn P được Nhà nước giao và ông P đứng tên trong GCNQSDĐ. Vì vậy đất không thuộc quyền sở hữu của anh Q chị P. Đề nghị HĐXX bác đơn khởi kiện của anh Phùng Hải C.

Phần tranh luận:

Ý kiến anh Phùng Hải C: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện anh không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Hợp đồng mua bán đất không có công chứng, chứng thực và không đến cơ quan nhà nước làm thủ tục sang tên chuyển nhượng vì vậy hợp đồng mua bán đất giữa anh C và anh Q không có giá trị. Nguồn gốc đất là do hộ ông Nguyễn Văn P và hộ ông Nguyễn Văn C được Nhà nước giao ông Nguyễn Văn P được cấp GCNQSDĐ nên đề nghị HĐXX bác đơn của anh Phùng Hải C.

Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2022 UBND xã Vô Tranh cung cấp:

Mảnh đất anh Phùng Hải C đang tranh chấp với chị Nguyễn Thị P tại thôn Tranh, xã Vô Tranh diện tích đất trên hiện nay vẫn nằm trong GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn P tại thôn Tranh, xã Vô Tranh. Từ khi hộ ông Nguyễn Văn P được cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp cho đến nay chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điều 116; điều 117, điều 118, điều 119, điều 502 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, điều 105, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai 2014; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Hải C về việc công nhận hợp đồng CNQSDĐ đất rừng ngày 27/9/2005 giữa anh và anh Nguyễn Văn Q chị Nguyễn Thị P.

Ngoài ra còn đề xuất về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phùng Hải C khởi kiện chị Nguyễn Thị P yêu cầu công nhận hợp đồng CNQSDĐ rừng có hiệu lực pháp luật. Bị đơn chị Nguyễn Thị P có địa chỉ ở tại thôn Tranh, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Đề nghị công nhận HĐCNQSDĐ rừng có hiệu lực pháp luật"

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định:

Theo như đơn khởi kiện của anh Phùng Hải C mảnh đất anh và anh Nguyễn Văn Q có làm giấy tờ mua bán khoảng 4000m2 tại thôn Tranh, xã Vô Tranh sau khi đo đạc thẩm định và định giá diện tích thực tế là 2324,6m2 anh C mua của anh Q chị P (anh Q đã chết) và có viết giấy tờ mua bán ngày 27/9/2005 có chữ ký của anh Q là người bán và có người làm chứng là ông Nguyễn Văn C. Nhưng do lúc đó anh chưa có điều kiện lên anh chưa đến cơ quan nhà nước làm thủ tục sang tên chuyển nhượng. Trong giấy bán đất có chữ ký người bán là anh Nguyễn Văn Q người làm chứng là ông Nguyễn Văn C. Anh Q và ông C đã chết anh C là nguyên đơn, chị P là bị đơn không đề nghị giám định chữ ký của anh Q và ông C. Lời khai của bà Lương Thị C là vợ ông Nguyễn Văn P là diện tích đất anh C đang tranh chấp là diện tích nằm trong GCNQSD đất số 982 của UBND huyện Lục Nam chứng nhận quyền quản lý kinh doanh rừng và đất lâm nghiệp mang tên hộ ông Nguyễn Văn P diện tích gia đình bà được Nhà nước giao là 1,10ha bà đã cung cấp cho Tòa án GCNQSDĐ và biên bản giao nhận đất rừng và đất lâm nghiệp sơ đồ rừng và đất lâm nghiệp. Anh Nguyễn Văn Q và chị

Nguyễn Thị P không phải là người được Nhà nước cấp GCNQSDĐ rừng vì vậy anh Q chị P không có quyền chuyển nhượng, mua bán hoặc tặng cho.

Theo Điều 167 Luật Đất Đai 2013, được hướng dẫn tại Điều 64 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định. Việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện như sau: Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực,

Điều 188, Luật Đất Đai 2013 quy định về điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.

Như vậy, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hiệu lực từ khi đăng ký sang tên tại văn phòng đăng ký đất đai hoặc tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai. Hợp đồng mua bán đất rừng ngày 29/5/2005 giữa anh C và anh Q chưa được công chứng, chứng thực và chưa đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và chưa vào sổ địa chính. căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án căn cứ vào các lời khai của bị đơn, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và căn cứ vào những quy định của pháp luật thì yêu cầu của anh Phùng Hải C đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng CNQSDĐ rừng ngày 27/9/2005 giữa anh và anh Nguyễn Văn Q chị Nguyễn Thị P có hiệu lực pháp luật" là không có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Hải C.

Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 10.000.000đồng. Do Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nên căn cứ vào 165 Bộ luật tố tụng dân sự nên anh C phải chịu chi phí này. Xác nhận anh C đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

Về án phí: Anh Phùng Hải C chịu án phí 5% trị giá tài sản tranh chấp (34.869.000đồng) = 1.743.450 đồng theo quy định pháp luật Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 116; điều 117, điều 118, điều 119, điều 502 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, điều 105, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai 2014; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Hải C về việc công nhận hợp đồng CNQSDĐ đất rừng ngày 27/9/2005 giữa anh và anh Nguyễn Văn Q chị Nguyễn Thị P.

Về án phí: Anh Phùng Hải C phải chịu 1.743.450 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 700.000đồng anh C đã nộp theo biên lai số: 0013435 ngày 02/12/2021. Anh C phải nộp thêm 1.043.450 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự